

**BẢN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN CỦA CÁC BỘ, NGÀNH
BỘ NGOẠI GIAO VÀ HỘ SỞ LẬP ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG LUẬT TƯƠNG TRỢ TỰ PHÁP VỀ DÂN SỰ¹**
(Kèm theo Tờ trình số 75/TTr-BTP của Bộ Tư pháp ngày 31/10/2023)

Stt	Đơn vị tham gia ý kiến	Nội dung tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình
I. Đối với dự thảo Báo cáo Tổng kết			
	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	- Mục II.2.d (trang 12): “ <i>Ben cạnh đó, trong tái cả các điều ước quốc tế về TTTTP, Bộ Tư pháp chỉ phải gửi đến nước được yêu cầu 02 bộ hồ sơ, do đó việc các cơ quan có thẩm quyền lập và gửi hồ sơ ủy thác tư pháp bằng bản mềm đến Bộ Tư pháp thì không còn cần thiết phải gửi 03 bộ hồ sơ như hiện nay</i> ”. Đề nghị cân nhắc bỏ nội dung này vì đây không phải là hạn chế, vướng mắc.	Tiếp thu
		- Mục II (trang 16): Sửa thứ tự thành Mục III (Mục II là Đánh giá).	Tiếp thu
	Bộ Ngoại giao	Tại các dự thảo Tờ trình và báo cáo tổng kết thi hành, đề nghị Quý Bộ cân nhắc nêu các khó khăn, vướng mắc của việc triển khai Luật Tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự, các nội dung về khó khăn của các nội dung về hình sự, dẫn độ, chuyển giao nên đưa vào từng luật cụ thể và báo cáo Tổng kết thi hành Luật Tương trợ tư pháp nói chung để kiến nghị tách luật.	Tiếp thu
		Về việc ứng dụng khoa học công nghệ:	Tiếp thu
		Tại báo cáo Tổng kết thi hành Luật Tương trợ tư pháp, Quý Bộ có nêu nhận định về việc “ <i>ứng dụng khoa học công nghệ còn hạn chế, chưa ứng dụng được khoa học kỹ thuật triệt để trong việc thực hiện và quản lý công tác tương trợ tư pháp về dân sự, cắt giảm hồ sơ</i> ”. Bộ Ngoại giao nhất trí cân nghiên cứu thêm để bổ sung các quy định để thúc đẩy việc ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong việc tiếp nhận và xử	

¹ Dự thảo được gửi lấy ý kiến của 06 bộ, ngành có liên quan và đã nhận được đầy đủ các ý kiến: Bộ Công an (Công văn số 2679/BCA-V13 ngày 2/8/2023), Bộ Ngoại giao (Công văn số 3977/BNG-LS ngày 15/8/2023), Bộ Tài chính (Công văn số 7156/BTC-PC ngày 10/7/2023), Bộ Nội vụ (Công văn 3213/BNV-PC ngày 26/6/2023), TANDTC (Công văn 160/TANDTC-PC ngày 18/8/2023), VKSNDTC (Công văn số 2851/VKSTC-V13 ngày 18/7/2023).

Lý hồ sơ ủy thác tư pháp của Việt Nam ra nước ngoài và ngược lại (ví dụ như số hóa hồ sơ, chuyển qua kênh điện tử) nhằm tiết kiệm thời gian, chi phí". Đồng thời, hướng tới xây dựng, sử dụng hệ thống dữ liệu, hồ sơ ủy thác tư pháp về dân sự và chuyển nhận thông tin giữa các cơ quan chức năng của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Tòa án nhân dân tối cao, các Tòa địa phương và CQEDD Việt Nam ở nước ngoài để hình thành cơ chế theo dõi, phối hợp nhịp nhàng hơn trong việc chuyển yêu cầu và kết quả thực hiện ủy thác tư pháp, tăng hiệu quả của công tác này.

Tiếp thu

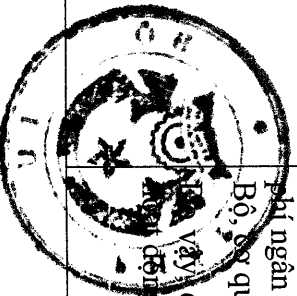
Bộ Tài chính

- Tại trang 12 Mục II.3.3.2 dự thảo Báo cáo Tổng kết thi hành Luật TTTP về dân sự về những nguyên nhân chủ yếu của những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong thực hiện Luật TTTP, Bộ Tư pháp nêu: "*Việc bố trí cán bộ, kinh phí và các điều kiện cần thiết cho hoạt động TTTP trong những năm gần đây không thay đổi trong khi khởi lương công việc tăng, nội dung công việc ngày càng phức tạp*".

Ngày 4/9/2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 144/2012/TT-BTC quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác TTTP. Theo đó, hàng năm, căn cứ vào yêu cầu công tác TTTP và căn cứ vào nội dung chi, mức chi quy định tại Điều 3, Điều 4 của Thông tư này, các cơ quan lập dự toán kinh phí bảo đảm cho công tác TTTP tổng hợp chung vào dự toán ngân sách hàng năm gửi cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật. *Do vậy, việc bố trí kinh phí cần thiết cho hoạt động TTTP được NSNN bảo đảm và được lập dự toán hàng năm theo yêu cầu công tác.*

Việc thực hiện Luật TTTP được các Bộ, cơ quan trung ương triển khai tổng thể các hoạt động (tổng đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu liên quan đến TTTP, triệu tập người làm chứng, người giám định, trao đổi thông tin...). Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ trên được NSNN bố trí trong định mức chi thường xuyên (cơ quan tư pháp được phân bổ 72 triệu đồng/biên chế, cao hơn 17 triệu đồng/biên chế đối với cơ quan tư biên chế thứ 1.001 trở lên, theo quy định tại Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ) hoặc kinh phí đặc thù của các Bộ, cơ quan trung ương (ví dụ như kinh phí thực hiện nhiệm vụ được giao theo Luật TTTP của Bộ Tư pháp năm 2021 là 1.340 triệu đồng, năm 2022 là 2.000 triệu đồng, năm 2023 là 3.100 triệu đồng). Kinh phí ngân sách nhà nước bố trí về cơ bản đã bảo đảm việc thực hiện Luật TTTP của các Bộ, cơ quan trung ương.

Việc đề nghị Bộ Tư pháp bỏ nội dung hạn chế, vướng mắc về bố trí kinh phí cho TTTP.



II. Đối với dự thảo Tờ trình

Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	<p>- Về bối cảnh và sự cần thiết xây dựng Luật (Mục I): Đề nghị phân tích, chỉ rõ các cơ sở để xây dựng Luật bao gồm: (1) Cơ sở chính trị (gồm: các văn kiện, Nghị quyết, Chỉ thị, Chỉ đạo của Đảng), (2) Cơ sở pháp lý (các quy định của Hiến pháp và pháp luật) và (3) Cơ sở thực tiễn để làm rõ sự cần thiết phải xây dựng Luật tương trợ tư pháp về dân sự để bảo đảm đầy đủ, rõ ràng.</p>	Tiếp thu
	<p>- Về quan điểm chỉ đạo xây dựng dự án Luật (tiêu mục 2, Mục II): Đề nghị bổ sung quan điểm chỉ đạo xây dựng dự án Luật nhằm tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước về tương trợ tư pháp về dân sự để đúng với mục tiêu xây dựng Luật.</p>	Tiếp thu
	<p>- Rà soát và chỉnh sửa các lỗi chính tả và đánh số thứ tự trong dự thảo; ví dụ: Mục IV không có tiêu mục 1, nhưng có mục 2 và 3.</p>	Tiếp thu
Bộ Công an	<p>- Tại đoạn thứ hai phần I, đề nghị bổ sung nội dung sau: “Luật TTTTP thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự đã bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập trên cả bình diện lý luận lẫn trong thực tiễn áp dụng pháp luật, những khoảng trống cần được hoàn thiện”.</p>	Tiếp thu, Bộ Tư pháp đã viết lại nội dung theo hướng chỉ rõ cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn.
	<p>- Tại đoạn Thứ nhất, phần I, + Đề nghị sửa đổi, bổ sung theo hướng sau: “Luật TTTTP điều chỉnh bốn lĩnh vực dân sự, hình sự, dân độ, chuyên gia người đang chấp hành án phạt tù nhưng mỗi lĩnh vực lại có đối tượng, phạm vi điều chỉnh với tính chất đặc thù riêng khác nhau, có phạm vi điều chỉnh, đối tượng điều chỉnh, mục đích và tính chất, bản chất khác nhau gồm TTTTP về dân sự, TTTTP về hình sự, dân độ và chuyên gia người đang chấp hành hình phạt tù nên các quy định của Luật khó đảm bảo việc áp dụng thống nhất”. + Đoạn thứ hai đề nghị bổ sung “<i>Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021)</i>” thành “... Theo quy định của <i>Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021)</i>, Luật Điều ước quốc tế năm 2016 thì từng bộ, ngành chủ trì có trách nhiệm tổ chức thực hiện...”</p>	Tiếp thu
	<p>- Tại mục 2. II, đề nghị bổ sung quan điểm chỉ đạo của Đảng như: Nghị quyết của Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa VII: “<i>Phải tiếp tục củng cố và tăng cường hoạt động tương trợ tư pháp giữa Việt Nam với các nước trong thời kỳ mới, phải mở rộng quan hệ quốc tế về tương trợ tư pháp...</i>”; Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII: “<i>Hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật, cơ chế,</i></p>	Tiếp thu

		<i>chính sách nhằm phát huy mạnh mẽ dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của Nhân dân”.</i>	
Bộ Ngoại giao		Tại các dự thảo Tờ trình và báo cáo tổng kết thi hành, đề nghị Quý Bộ cân nhắc nêu các khó khăn, vướng mắc của việc triển khai Luật Tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự, các nội dung về khó khăn của các nội dung về hình sự, dẫn độ, chuyển giao nên đưa vào từng luật cụ thể và báo cáo Tổng kết thi hành Luật Tương trợ tư pháp nói chung để kiến nghị tách luật	Tiếp thu
		<p>Khái niệm, phạm vi ủy thác tư pháp</p> <p>Một trong những vướng mắc được ghi nhận trong dự thảo Tờ trình Chính phủ là Luật Tương trợ tư pháp năm 2007 chưa phân định rõ phạm vi TTTP, dẫn đến cách hiểu và áp dụng chưa thống nhất giữa các cơ quan có thẩm quyền.</p> <p>Khoản 1 Điều 67 Luật TTTP năm 2007 quy định Cơ quan đại diện Việt Nam (CQDDVN) ở nước ngoài thực hiện ủy thác tư pháp liên quan đến công dân Việt Nam ở nước ngoài. Tuy nhiên, Điều 6 của Luật Tương trợ tư pháp quy định ủy thác tư pháp phải là yêu cầu bằng văn bản về việc thực hiện tương trợ tư pháp giữa Cơ quan Việt Nam với cơ quan nước ngoài với nhau. Việc CQDD thực hiện ủy thác tư pháp cho công dân Việt Nam ở nước ngoài theo yêu cầu của cơ quan trong nước thực chất chưa được coi là hoạt động tương trợ tư pháp trong phạm vi điều chỉnh của Luật Tương trợ tư pháp mà là một trong các hoạt động trong quy trình tố tụng dân sự, hành chính bổ trợ cho cơ quan tiến hành tố tụng trong nước, phù hợp với quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Bộ luật tố tụng hành chính năm 2015. Để hướng dẫn hai mảng công việc liên quan đến thủ tục tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, cơ quan chức năng đã ban hành 02 bản thông tư liên tịch gồm Thông tư liên tịch số 12 và Thông tư liên tịch 01/2019/TTLT-BNG-TANDTC ngày 5/12/2019. Do đó đề nghị Quý Bộ lưu ý, phần định rõ hơn phạm vi tương trợ tư pháp về dân sự trong quá trình xây dựng Luật.</p>	Tiếp thu
Bộ Tài chính		<p>- Tại Mục IV dự thảo Tờ trình Chính phủ, Bộ Tư pháp có đề xuất 03 chính sách. Tuy nhiên, nội dung về lựa chọn giải pháp thực hiện chính sách có một số nội dung chưa thống nhất.</p> <p>Ví dụ: Giải pháp lựa chọn của chính sách 1 tại Mục IV.1.3 dự thảo Tờ trình Chính phủ là: <i>“Kế thừa quy định về nội dung TTTP về dân sự tại Luật TTTP hiện hành,...; bổ sung quy định cho phép thoả thuận chi phí TTTP trong trường hợp ký kết điều ước quốc tế”.</i> Tuy nhiên, kiến nghị giải pháp lựa chọn cho chính sách này tại Mục II.1.4 dự thảo Báo cáo Đánh giá tác động lại nêu: <i>“... một mặt kế thừa các quy định còn phù hợp, mặt khác</i></p>	Tiếp thu

	<p><i>sửa đổi quy định hiện nay... ” và cũng không có nội dung về bổ sung quy định cho phép thoả thuận chi phí TTTP trong trường hợp ký kết điều ước quốc tế.</i></p> <p>Do đó, đề nghị Bộ Tư pháp rà soát, bảo đảm thống nhất về nội dung lựa chọn giải pháp thực hiện chính sách giữa Tờ trình Chính phủ và Báo cáo Đánh giá tác động chính sách.</p>	
	<p>- Tại khổ thứ 2 trang 9 Mục IV.1.3 dự thảo Tờ trình Chính phủ, Bộ Tư pháp nêu: “nguyên tắc hợp tác quốc tế trong TTTP về dân sự khi các bên có quan hệ điều ước quốc tế là không thu chi phí đối với việc thực hiện yêu cầu TTTP.... Nguyên tắc này được ghi nhận trong tất cả các điều ước quốc tế về TTTP dân sự mà Việt Nam ký kết, gia nhập. Tuy nhiên, theo quy định của Luật TTTP thì chi phí TTTP về dân sự giữa Việt Nam và nước ngoài do nước yêu cầu chi trả trừ trường hợp có thoả thuận khác. Mặc dù Nghị định 92/2008/NĐ-CP đã có hướng dẫn về thuật ngữ “thoả thuận khác” nhưng khi ký kết các điều ước quốc tế mới về TTTP dân sự quy định về không thu chi phí thực hiện yêu cầu TTTP vẫn gặp nhiều vướng mắc do cách hiểu giữa các cơ quan liên quan về quy định này khác nhau, ảnh hưởng đến công tác ký kết điều ước quốc tế đã được cấp có thẩm quyền cho phép thực hiện”.</p> <p>Qua nhiều lần tham gia ý kiến về việc ký các Điều ước quốc tế về TTTP, Bộ Tài chính thấy rằng nội dung trên là một tồn tại, vướng mắc trong quy định của Luật TTTP hiện hành. Khác biệt về quy định chi phí TTTP trong Luật TTTP hiện hành và các Hiệp định TTTP đã ký cũng đã được Bộ Tài chính có ý kiến với Bộ Tư pháp tại công văn số 3846/BTC-PC ngày 18/4/2023. Do đó, đề nghị Bộ Tư pháp bổ sung nội dung trên vào Mục II.2.c (Một số khó khăn, tồn tại, hạn chế và vướng mắc trong việc thực hiện Luật TTTP trong lĩnh vực dân sự) tại dự thảo Báo cáo Tổng kết thi hành Luật TTTP phần về dân sự và đề xuất phương án xử lý phù hợp.</p>	<p>Bộ Tư pháp không tiếp thu và xin giải trình như sau:</p> <p>Theo quy định hiện hành, người dân chỉ được miễn phí/ lệ phí ủy thác tư pháp với mức 150.000 (theo TT203) hoặc 200.000 (theo NQ 326) nếu họ thuộc một trong các đối tượng của Nghị định 92.</p> <p>Ngoài ra, thực tiễn đàm phán các điều ước quốc tế song phương trong thời gian gần đây thường gặp vướng mắc liên quan đến quy định về thực hiện TTTP miễn phí trong khi khoản 1 Điều 16 Luật TTTP lại quy định “Chi phí thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự giữa Việt Nam và nước ngoài do nước yêu cầu chi trả”. Bộ Tư pháp cho rằng do khoản 1 Điều 16 còn quy định “trừ trường hợp có thoả thuận khác” nên khi đàm phán điều ước quốc tế hai Bên có thể thoả thuận nhưng Bộ Tài chính cho rằng quy định này không áp dụng để có thể quy định miễn phí TTTP tại các điều ước quốc tế song phương. Việc thực hiện TTTP miễn phí khi có quan hệ điều ước quốc tế thể hiện tính ưu việt, sự thiện chí hợp tác của các bên ký kết so với việc không có quan hệ điều ước quốc tế phải thực hiện nguyên tắc có đi có lại. Do vậy, để tạo điều kiện thuận lợi cho việc đề xuất ký kết điều ước quốc tế về TTTP dân sự, Luật TTTP về dân sự cần có quy định nội luật hóa quy định về chi phí tại các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết, gia nhập. Bên cạnh đó cần cần</p>

		<p>nước nên việc nắm bắt các thông tin, quy trình phối hợp thực hiện của 03 lĩnh vực còn lại (trư lĩnh vực dân sự) không được kịp thời, chưa bao quát hết được các khó khăn nên với vai trò là cơ quan đầu mối thì Bộ Tư pháp lại chưa thể hiện hết được vai trò của mình. Bộ Tư pháp muốn nhấn mạnh những hạn chế của Bộ Tư pháp khi là cơ quan chủ trì trong công tác quản lý hoạt động TTTTP chung.</p> <p>Vì vậy, Bộ Tư pháp giữ nguyên nhận định này tại dự thảo Báo cáo.</p>
	<p>- “Việc quy định Bộ Tư pháp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước chung trong cả bốn lĩnh vực cũng làm cho các cơ quan đầu mối trong từng lĩnh vực TTTTP khác là hình sự, dân độ và chuyên giao người đang chấp hành hình phạt tù khó phát huy hết vai trò, trách nhiệm và sự chủ động của mình trong hoạt động quản lý, chỉ đạo công tác TTTTP ở lĩnh vực riêng do mình phụ trách”. Thực tế VKSND tối cao và Bộ Công an đã chủ động phát huy vai trò và trách nhiệm của cơ quan đầu mối.</p>	<p>Bộ Tư pháp tiếp thu bổ nhận định này</p>
	<p>- “Thứ ba, Luật TTTTP chưa phân định rõ phạm vi TTTTP, dẫn đến cách hiểu và cách áp dụng chưa thống nhất giữa các cơ quan nhà nước có thẩm quyền như đối với hoạt động ủy thác tư pháp (UTTP) liên quan đến công dân Việt Nam ở nước ngoài hoặc yêu cầu cơ quan đại diện ngoại giao tại nước ngoài xác minh, cung cấp tài liệu và chứng cứ phục vụ điều tra có thuộc phạm vi TTTTP hay không còn có cách hiểu, áp dụng khác nhau”. Nội dung này chưa rõ ý, ví dụ về phạm vi tương trợ thì Luật TTTTP đã phân định phạm vi của các lĩnh vực khác nhau.</p>	<p>Nội dung này Bộ Tư pháp xin được giải trình như sau:</p> <p>Về bản chất, hoạt động tương trợ tư pháp được hiểu là sự hợp tác giữa các quốc gia và việc tổng đạt hoặc thu thập chứng cứ/lấy lời khai của công dân Việt Nam thực hiện thông qua cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài là hoạt động nội bộ giữa các cơ quan nhà nước mà không phải hoạt động tương trợ tư pháp. Trên thực tế, hai hoạt động này còn bị nhầm lẫn và gọi chung là tương trợ tư pháp. Để rõ nghĩa hơn, Bộ Tư pháp sẽ viết lại nội dung này như sau:</p> <p><i>Luật TTTTP chưa đưa ra định nghĩa đối với khái niệm “tương trợ tư pháp” hay “tương trợ tư pháp về dân sự dẫn đến cách hiểu, áp dụng</i></p>

		<p><i>chưa thống nhất đối với một số nội dung, ví dụ: Khoản 1 Điều 67 của Luật quy định các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài có trách nhiệm thực hiện ủy thác tư pháp liên quan đến công dân Việt Nam ở sở tại trong khi theo Luật TTTP (Điều 6) thì đây không được coi là hoạt động TTTP mà chỉ là phối hợp thực hiện nhiệm vụ giữa các cơ quan nhà nước của Việt Nam.</i></p>
<p>Bộ Công an</p>	<p>1. Đối với Chính sách 1</p> <p>- Đề nghị thống nhất tên của Chính sách 1: “<i>Hoàn thiện pháp luật về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự đáp ứng tình hình mới của Việt Nam và quốc tế</i>” hay “<i>Tạo cơ sở pháp lý thúc đẩy hợp tác quốc tế về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự phù hợp với bối cảnh, tình hình mới của Việt Nam và quốc tế</i>”.</p> <p>+ Đề bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật, đề nghị đánh giá, chỉ rõ những nội dung, quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan tương trợ tư pháp về dân sự như Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Luật Tố tụng hành chính năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019).</p>	<p>Tiếp thu, thống nhất tên gọi chính sách 1 là: “<i>Tạo cơ sở pháp lý thúc đẩy hợp tác quốc tế về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự phù hợp với bối cảnh, tình hình mới của Việt Nam và quốc tế</i>”.</p> <p>Tiếp thu và chỉnh sửa tại các chính sách có liên quan.</p>
	<p>2. Đối với Chính sách 2</p> <p>Đề nghị làm rõ hơn vấn đề xã hội hóa hoạt động đặt giấy tờ, ví: Để thực hiện chủ trương xã hội hóa hoạt động tổng đặt giấy tờ nói chung theo Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, nhiều tòa án đã thực hiện việc đặt hồ sơ kể cả hồ sơ theo yêu cầu của nước ngoài thông qua thừa phát lại. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thừa phát lại thì thừa phát lại có thẩm quyền tổng đặt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu có liên quan đến tương trợ tư pháp về dân sự của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài. Bên cạnh đó, các tổ chức, cá nhân ngoài nhà nước được thực hiện chức năng tổng đặt văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 172 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 101 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019), không chỉ bao gồm thừa phát lại mà còn bao gồm nhân viên, tổ chức dịch vụ bưu chính, người có chức năng tổng đặt và những người khác mà pháp luật có quy định. Việc xã hội hóa hoạt động tổng đặt giấy tờ sẽ góp phần rút ngắn thời gian thực hiện ủy thác, đẩy nhanh thời gian giải quyết các tranh chấp dân sự và thương mại có liên quan đến người dân và doanh nghiệp, tạo lòng tin của các đối tác nước ngoài.</p>	<p>Tiếp thu và làm rõ hơn phần Vấn đề bất cập của chính sách 2 và nội dung tương ứng của Dự thảo Tờ trình nội dung góp ý của Bộ Công an đoạn viết: “<i>Việc xã hội hóa hoạt động tổng đặt giấy tờ sẽ góp phần rút ngắn thời gian thực hiện ủy thác, đẩy nhanh thời gian giải quyết các tranh chấp dân sự và thương mại có liên quan đến người dân và doanh nghiệp, tạo lòng tin của các đối tác nước ngoài</i>”.</p>

	<p>3. Đối với Chính sách 3</p> <p>Đề nghị tại điểm đ tiêu mục 3.3.2 (Giải pháp 2) bổ sung nội dung về đánh giá tác động đối với các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến chi phí tương trợ tư pháp về dân sự như Luật Tố tụng hình chính năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019), Nghị định số 92/2008/NĐ-CP quy định về quản lý và sử dụng chi phí thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự, Thông tư số 144/2012/TT-BTC ngày 04/9/2012 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác tương trợ tư pháp./.</p>	<p>Phương án 1: Nội dung này, Bộ Tư pháp không tiếp thu và xin giải trình như sau</p> <p>Sau khi cân nhắc, Bộ Tư pháp nhận thấy đối với những nội dung quy định về quy trình, thủ tục thực hiện, quản lý hồ sơ TTTTP và nội dung quy định mức, phương thức nộp/ thanh toán chi phí, Luật chỉ quy định những vấn đề đã đề cập, đã ổn định, đối với những nội dung khác sẽ tiếp tục quy định tại Thông tư liên tịch để đảm bảo tính ổn định của Luật, đặc biệt là trong bối cảnh phát triển nhanh chóng của quá trình chuyển đổi số cũng như phù hợp với tình độ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong từng thời kỳ.</p>
<p>Bộ Ngoại giao</p>	<p>Về việc áp dụng nguyên tắc có đi có lại</p> <p>Như Quý Bộ đã phân tích tại dự thảo Tờ trình, việc đương nhiên áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong tương trợ tư pháp về dân sự (trừ một số ngoại lệ) thực tế đã được triển khai kể từ sau khi Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANĐTC ngày 19/10/2016 quy định về trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự được ban hành. Tuy nhiên, Thông tư này không quy định cụ thể về việc đương nhiên áp dụng mà chỉ nêu nguyên tắc về việc cơ quan có thẩm quyền có thể từ chối thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự cho nước ngoài trên cơ sở có đi có lại trong các trường hợp đặc biệt (Điều 5 Thông tư liên tịch 12)</p> <p>Bộ Ngoại giao cho rằng cần cần nhắc sự cần thiết quy định “đương nhiên áp dụng” tương trợ tư pháp trong dự thảo Luật hay nên giữ quy định như hiện nay (về việc cơ quan có thẩm quyền quyết định việc áp dụng nguyên tắc có đi có lại). Để có cơ sở tiếp tục xem xét, Bộ Ngoại giao đề nghị Quý Bộ phân tích thêm khó khăn nếu không quy định nội dung này trong luật mà chỉ quy định ở Thông tư (do việc triển khai nội dung này theo Thông tư liên tịch 12 cơ bản không có vướng mắc), đồng thời tham khảo thực tiễn quốc tế về vấn đề này (các nước đã quy định nội dung này trong luật), và có báo cáo đánh giá, đối chiếu nội dung này với luật pháp và thông lệ quốc tế cũng như các tác động (nếu có).</p>	<p>Nội dung này, Bộ Tư pháp xin giải trình như sau:</p> <p>Trước khi có Thông tư liên tịch 12, các cơ quan có thẩm quyền trong nước khi lập hồ sơ để gửi đến cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (thông qua Bộ Ngoại giao) đều phải cùng nhắc gửi kèm thêm 01 văn bản <i>Đề nghị áp dụng nguyên tắc có đi có lại</i>. Thực tế thì từ khi có Luật TTTTP đến nay, Bộ Ngoại giao chưa trả lại yêu cầu nào vì nước ngoài từ chối thực hiện. Với nhận thức rằng, việc xử lý các yêu cầu tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự là nhằm hỗ trợ tối đa cho các cơ quan có thẩm quyền mỗi nước trong việc giải quyết các vụ việc dân sự có liên quan trực tiếp đến quyền lợi của cá nhân và doanh nghiệp. Do đó, việc áp dụng nguyên tắc có đi có lại không quy định cụ thể không có nghĩa là bỏ mà quy định ẩn theo hướng đương nhiên áp dụng và chỉ không áp dụng trong một số trường hợp cụ thể. Tham khảo pháp luật và thực tiễn quốc tế thì các quốc</p>

		<p>gia không có quy định về áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong pháp luật có liên quan về tương trợ tư pháp về dân sự.</p>
	<p>- Về trình tự, thủ tục áp dụng nguyên tắc có đi có lại: hiện dự thảo Luật đang theo hướng quy định tương tự nội dung Điều 19 và 20 của Thông tư liên tịch. Tuy nhiên, do đây là các quy định mang tính thủ tục, có thể cần nhắc đưa vào văn bản hướng dẫn thi hành, nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn khi cần sửa đổi.</p>	<p>Bộ Tư pháp không tiếp thu và xin giải trình như sau:</p> <p>Nội dung về có đi có lại được quy định tại Điều về nguyên tắc tương trợ tư pháp tại chương I</p> <p>Điều ... Nguyên tắc tương trợ tư pháp</p> <p><i>Kế thừa Điều 4 Luật TTTP năm 2007.</i></p> <p><i>Tuy nhiên nội dung về áp dụng nguyên tắc có đi có lại được xây dựng theo hướng luật hóa quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 12:</i></p> <p><i>Cơ quan có thẩm quyền Việt Nam có thể từ chối thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự cho nước ngoài trên cơ sở nguyên tắc có đi có lại trong tương trợ tư pháp về dân sự giữa Việt Nam và nước ngoài khi có căn cứ cho thấy phía nước ngoài không thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự cho Việt Nam.</i></p> <p><i>(Thẩm quyền, trình tự, thủ tục xem xét từ chối thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự cho nước ngoài có thể được quy định trong các điều khoản cụ thể hoặc cụ thể hóa ở văn bản dưới luật)</i></p> <p>Theo đó việc áp dụng nguyên tắc có đi có lại được thực hiện theo hướng thiết kế của Điều 5 Thông tư liên tịch 12 và Thẩm quyền, trình tự, thủ tục xem xét từ chối thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự cho nước ngoài có thể được quy định trong các điều khoản cụ thể hoặc cụ thể hóa ở văn bản dưới luật</p>

	<p>- Đề nghị quy định rõ trong dự thảo Luật cơ quan có thẩm quyền trong việc quyết định áp dụng nguyên tắc có đi có lại cũng như các trường hợp ngoại lệ từ chối áp dụng nguyên tắc này.</p>	<p>Tiếp thu và sẽ quy định tại dự thảo đề cương theo hướng Bộ Ngoại giao phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc xem xét nguyên tắc có đi có lại để thống nhất với các đề nghị xây dựng luật dẫn độ và luật chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù.</p>
<p>IV. Đối với dự thảo đề cương Luật</p>	<p>Bộ Tài chính</p> <p>- Tại dự thảo Điều đầu tiên Chương IV Đề cương dự thảo Luật TTTP về dân sự về chi phí thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự đang quy định: “<i>Chi phí thực hiện ủy thác tư pháp của Việt Nam bao gồm phí, lệ phí và chi phí thực tế phát sinh khi thực hiện ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc gia liên quan.</i>”</p> <p>Tại hồ sơ gửi lấy ý kiến (dự thảo Tờ trình Chính phủ, dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chính sách xây dựng Luật TTTP về dân sự, dự thảo Báo cáo tổng kết thi hành phần TTTP về dân sự của Luật TTTP, đề cương dự thảo Luật TTTP về dân sự), Bộ Tư pháp không thuyết minh chi phí thực hiện ủy thác tư pháp của Việt Nam hiện nay bao gồm những chi phí gì.</p> <p>Do đó, đề nghị Bộ Tư pháp cần nhắc bổ sung chi phí thực hiện ủy thác tư pháp của Việt Nam bao gồm những chi phí gì; Trong đó thể hiện rõ chi phí thực hiện ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam bao gồm những chi phí gì và chi phí thực hiện ủy thác tư pháp theo quy định của nước ngoài bao gồm những chi phí gì.</p>	<p>Hiện nay Điều 6 của Thông tư liên tịch 12 đã quy định như dưới đây và Bộ Tư pháp sẽ cần nhắc đưa các nội dung này vào trong Luật</p> <p>Điều 6. Chi phí thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Người có nghĩa vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 3 của Thông tư liên tịch này phải nộp chi phí thực hiện ủy thác tư pháp, trừ trường hợp pháp luật hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác. 2. Chi phí thực hiện ủy thác tư pháp của Việt Nam bao gồm phí, lệ phí và chi phí thực tế phát sinh khi thực hiện ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc gia liên quan. 3. Chi phí thực hiện ủy thác tư pháp của nước ngoài bao gồm phí, lệ phí và chi phí thực tế phát sinh khi thực hiện ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam. 4. Mức thu, cơ quan có thẩm quyền thu và trình tư thu nộp phí, lệ phí ủy thác tư pháp của Việt Nam và ủy thác tư pháp về dân sự của nước ngoài được thực hiện theo quy định pháp luật về phí, lệ phí. 5. Căn cứ nội dung yêu cầu ủy thác tư pháp cụ thể, chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp

		<p>của Việt Nam bao gồm một hoặc một số chi phí sau đây:</p> <p>a) Chi phí dịch thuật, công chứng, chứng thực hồ sơ ủy thác tư pháp;</p> <p>b) Chi phí tổng đạt hồ sơ ủy thác tư pháp ở nước ngoài;</p> <p>c) Chi phí thu thập, cung cấp chứng cứ ở nước ngoài;</p> <p>d) Chi phí khác (nếu có) theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật của quốc gia liên quan.</p> <p>6. Căn cứ nội dung yêu cầu ủy thác tư pháp cụ thể, chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp của nước ngoài bao gồm một hoặc một số chi phí sau đây:</p> <p>a) Chi phí tổng đạt hồ sơ ủy thác tư pháp do tổ chức, cá nhân có chức năng tổng đạt thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam;</p> <p>b) Chi phí thu thập, cung cấp chứng cứ;</p> <p>c) Chi phí thực hiện ủy thác tư pháp theo yêu cầu đặc biệt của nước ngoài;</p> <p>d) Chi phí khác (nếu có) theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p> <p>7. Chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều này được thu nộp theo quy định tại Điều 7, Điều 8 và Điều 9 của Thông tư liên tịch này.</p>
Bộ Công an	Đối với dự thảo Đề cương dự thảo Luật TTTP về dân sự: đề nghị bổ sung nội dung quy định về chuyển tiếp đối với các yêu cầu TTTP về dân sự trước ngày Luật TTTP về dân sự có hiệu lực	<p>Tiếp thu và chỉnh sửa như sau</p> <p>Điều... Quy định chuyển tiếp</p>

			Đổi với các yêu cầu tương tự tư pháp được lập trước ngày Luật này có hiệu lực thì áp dụng quy định của Luật Tương tự tư pháp năm 2007.
	VKSNDTC	<p>- Chương I:</p> <p>+ Căn nhắc việc sử dụng chữ viết tắt trong văn bản quy phạm pháp luật.</p> <p>+ Nêu rõ sự khác nhau giữa “tương tự tư pháp” và “tự thác tư pháp”; Căn nhắc việc sử dụng cụm từ “tương tự tư pháp” thay cho “tự thác tư pháp” thống nhất trong toàn bộ dự thảo.</p> <p>+ Đề nghị gộp 02 điều “Áp dụng pháp luật” và “Áp dụng pháp luật nước ngoài trong tương tự tư pháp về dân sự” vào làm một vì các nội dung đều về cách thức, nguyên tắc áp dụng pháp luật để bảo đảm ngắn gọn và phù hợp.</p> <p>- Chương II: Căn nhắc bỏ sung quy định về trường hợp không nhận được kết quả thực hiện tương tự tư nước ngoài.</p> <p>- Chương IV: Điều về Chi phí thực hiện tự thác tư pháp về dân sự: Bỏ sung quy định các loại chi phí này sẽ do Bên nào chi trả.</p>	Tiếp thu
	Bộ Ngoại giao	<p>Vấn đề hợp pháp hóa lãnh sự giấy tờ trong hồ sơ tự thác tư pháp:</p> <p>Luật Tương tự tư pháp (Điều 7) quy định hồ sơ tự thác tư pháp cần được hợp pháp hóa lãnh sự. Quy định trên chưa phù hợp với thực tiễn tương tự tư pháp với các nước, theo đó các nước không yêu cầu hợp pháp hóa lãnh sự đối với các giấy tờ, tài liệu, hồ sơ tự thác tư pháp của Việt Nam được chuyển qua đường ngoại giao cho phía nước ngoài. Thực tiễn cũng phù hợp với quy định tại Nghị định 111/NĐ-CP ngày 05/12/2011 về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự về giấy tờ, tài liệu được chuyển giao giữa cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam và cơ quan có thẩm quyền nước ngoài qua đường ngoại giao được miễn hợp pháp hóa. Trên cơ sở này, đề nghị Quý Bộ xem xét đưa nội dung mang tính nguyên tắc này vào dự thảo Luật.</p>	Bộ Tư pháp nhất trí và đã tiếp thu, chỉnh sửa
		<p>Về chi phí tự thác tư pháp ra nước ngoài:</p> <p>Hiện nay Tòa án nhân dân tối cao đang chủ trì xây dựng Pháp lệnh về chi phí tố tụng, và theo dự thảo Pháp lệnh gần nhất bao gồm cả chi phí tự thác tư pháp. Theo kế hoạch,</p>	Bộ Tư pháp nhất trí và sẽ tiếp tục phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao trong quá trình xây dựng

		Tòa án nhân dân tối cao dự kiến trình Ủy ban thường vụ quốc hội ban hành Pháp lệnh vào cuối năm 2023. Do vậy, đề nghị Quý bộ cần nhắc trao đổi thông nhất với Tòa án nhân dân tối cao về quy định chi phí ủy thác tư pháp tại dự thảo Luật này hay tại dự thảo Pháp lệnh, tránh trùng lặp và chồng chéo về mặt nội dung, thẩm quyền.	
V. Về dự kiến nguồn lực			
Bộ chính	Tại	Tại Điểm 2 Mục V dự thảo Tờ trình Chính phủ của Bộ Tư pháp về điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Luật: "... Đề nghị Bộ Tư pháp bổ sung đánh giá tác động cụ thể về kinh phí ngân sách nhà nước tăng thêm (bao gồm ngân sách trung ương và ngân sách địa phương) theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Đồng thời, theo dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Luật TTTP về dân sự, khi lựa chọn giải pháp 2 của từng chính sách: (Hoàn thiện pháp luật về TTTP trong lĩnh vực dân sự đáp ứng tình hình mới của Việt Nam và quốc tế; Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và phối hợp liên ngành trong việc thực hiện hoạt động TTTP về dân sự; Hoàn thiện quy trình, thủ tục, hồ sơ, thời gian thực hiện để nâng cao hiệu quả hoạt động TTTP về dân sự) thì dự kiến sẽ tiết kiệm chi phí cho nhà nước, cho các doanh nghiệp và cho người dân khoảng 550 triệu đồng/năm (trong đó phần NSNN dự kiến bố trí tăng chi khoảng 400 triệu đồng/năm). Đề nghị Bộ Tư pháp rà soát lại dự kiến nguồn lực, điều kiện đảm bảo thi hành Luật để đảm bảo chính xác về số liệu.	Bộ Tư pháp tiếp thu và sẽ rà lại số liệu. Tuy nhiên, trên cơ sở đánh giá được hiệu quả của việc cải tiến quy trình, thủ tục, tin học hóa hồ sơ, xã hội hóa hoạt động tổng đạt giấy tờ, có thể nói rằng, <i>nguồn lực dự kiến cho việc thực hiện Luật TTTP về dân sự sau khi luật đi vào thực hiện sẽ không phát sinh lớn.</i>
Viện kiểm sát nhân dân tối cao		- Về dự kiến nguồn lực (tiểu mục 1, Mục V): Cần thể hiện rõ nguồn nhân lực cũng như nguồn lực về tài chính để bảo đảm đầy đủ và phù hợp với Điều 34 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.	Tiếp thu và bổ sung vào tiểu mục 1 mục V: Nguồn nhân lực: nguồn lực hiện có tại các cơ quan trung ương đến địa phương thực hiện công tác tương trợ tư pháp về dân sự, các tổ chức thực hiện chức năng xã hội hóa hoạt động tổng đạt giấy tờ.

¹ Hiện việc chuyển hồ sơ ủy thác tư pháp qua đường bưu điện nội địa và quốc tế còn mất nhiều thời gian (có thể lên đến vài tháng hoặc lâu hơn), chưa bảo đảm yêu cầu thời gian của vụ án dân sự; có trường hợp không thể thực hiện được do bưu điện không cung cấp dịch vụ đối với các nước liên quan (Iran, Pakistan hoặc gần đây là Nga).

ii Chi phí chuyển phát hồ sơ ủy thác tư pháp khá tốn kém, ví dụ mỗi bộ hồ sơ ủy thác tư pháp ra nước ngoài trung bình khoảng 400.000vnd/bộ, chuyển phát nhanh bảo đảm từ 1.000.000 – 2000.000vnd/bộ.

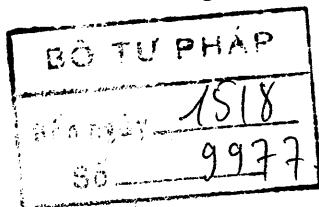
BỘ NGOẠI GIAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~3977~~/BNG-LS

V/v tham gia ý kiến đối với dự thảo Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật tương trợ tư pháp về dân sự.

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2023



Kính gửi: Bộ Tư pháp.

Phúc công văn số 2505/BTP-PLQT ngày 19/6/2023 của Quý Bộ về việc tham gia ý kiến đối với dự thảo Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật tương trợ tư pháp về dân sự, trong phạm vi thẩm quyền, Bộ Ngoại giao xin trao đổi như sau:

1. Về sự cần thiết xây dựng Luật tương trợ tư pháp về dân sự

Ngày 09/11/2022, Bộ Ngoại giao có Công văn số 5026/BNG-LS chuyển nội dung Báo cáo tổng kết 14 năm thi hành Luật Tương trợ Tư pháp năm 2007; trong bao gồm đề xuất tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật theo hướng của Quý Bộ về việc tách Luật Tương trợ tư pháp thành 04 Luật tương trợ tư pháp về dân sự, tương trợ tư pháp về hình sự, dẫn độ, chuyển giao người chấp hành án phạt tù.

Trên cơ sở đó, Bộ Ngoại giao cho rằng việc xây dựng Luật tương trợ tư pháp về dân sự là cần thiết, nhằm khắc phục những bất cập, hạn chế của Luật Tương trợ Tư pháp năm 2007, quy định rõ hơn về chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan liên quan trong hoạt động tương trợ tư pháp về dân sự.

2. Về dự thảo Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật

Về cơ bản, dự thảo Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật đáp ứng các quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Để hoàn thiện hơn, đề nghị Quý Bộ cân nhắc thêm một số nội dung trong quá trình xây dựng chính sách và hoàn thiện các quy định của dự thảo Luật như sau:

2.1. Về việc áp dụng nguyên tắc “có đi có lại”

- Như Quý Bộ đã phân tích tại dự thảo Tờ trình, việc đương nhiên áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong tương trợ tư pháp về dân sự (trừ một số ngoại lệ) thực tế đã được triển khai kể từ sau khi Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19/10/2016 quy định về trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự được ban hành. Tuy nhiên, Thông tư này không quy định cụ thể về việc *đương nhiên áp dụng* mà chỉ nêu nguyên tắc về việc cơ quan có thẩm quyền có thể từ chối thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự cho nước

Chường TP 16/8

ngoài trên cơ sở có đi có lại trong các trường hợp đặc biệt (Điều 5 Thông tư liên tịch số 12).

Bộ Ngoại giao cho rằng cần cân nhắc sự cần thiết quy định “đương nhiên áp dụng” tương trợ tư pháp trong dự thảo Luật hay nên giữ quy định như hiện nay (về việc cơ quan có thẩm quyền quyết định việc áp dụng nguyên tắc có đi có lại). Để có cơ sở tiếp tục xem xét, Bộ Ngoại giao đề nghị Quý Bộ phân tích thêm khó khăn nếu không quy định nội dung này trong luật mà chỉ quy định ở Thông tư (do hiện việc triển khai nội dung này theo Thông tư liên tịch số 12 cơ bản không có vướng mắc), đồng thời tham khảo thực tiễn quốc tế về vấn đề này (các nước đã quy định nội dung này trong luật), và có báo cáo đánh giá, đối chiếu nội dung này với luật pháp và thông lệ quốc tế cũng như các tác động (nếu có).

- Về trình tự, thủ tục áp dụng nguyên tắc có đi có lại: hiện dự thảo Luật đang theo hướng quy định tương tự nội dung Điều 19 và 20 của Thông tư liên tịch. Tuy nhiên, do đây là các quy định mang tính thủ tục, có thể cân nhắc đưa vào văn bản hướng dẫn thi hành, nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn khi cần sửa đổi.

- Đề nghị quy định rõ trong dự thảo Luật cơ quan có thẩm quyền trong việc quyết định áp dụng nguyên tắc có đi có lại cũng như các trường hợp ngoại lệ từ chối áp dụng nguyên tắc này.

2.2. Về một số nội dung khác

(i) Khái niệm, phạm vi ủy thác tư pháp:

Một trong những vướng mắc được ghi nhận trong dự thảo Tờ trình Chính phủ là Luật Tương trợ tư pháp năm 2007 chưa phân định rõ phạm vi TTTP, dẫn đến cách hiểu và áp dụng chưa thống nhất giữa các cơ quan có thẩm quyền.

Khoản 1 Điều 67 Luật Tương trợ tư pháp năm 2007 quy định Cơ quan đại diện Việt Nam (CQĐDVN) ở nước ngoài thực hiện các ủy thác tư pháp liên quan đến công dân Việt Nam ở nước ngoài. Tuy nhiên, Điều 6 của Luật tương trợ tư pháp quy định ủy thác tư pháp phải là yêu cầu bằng văn bản về việc thực hiện tương trợ tư pháp giữa cơ quan Việt Nam với cơ quan nước ngoài với nhau. Việc CQĐD thực hiện “ủy thác tư pháp” cho công dân Việt Nam ở nước ngoài theo yêu cầu của cơ quan trong nước thực chất chưa được coi hoạt động tương trợ tư pháp trong phạm vi điều chỉnh của Luật tương trợ tư pháp, mà là một trong những hoạt động trong quy trình tố tụng dân sự, hành chính hỗ trợ cho cơ quan tiến hành tố tụng trong nước, phù hợp với quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Bộ luật Tố tụng hành chính 2015. Để hướng dẫn hai mảng công việc liên quan đến thủ tục tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, cơ quan chức năng đã ban hành 02 bản văn liên tịch riêng gồm Thông tư liên tịch 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19/10/2016 và Thông tư liên tịch số 01/2019/TTLT-TANDTC-BNG ngày 05/12/2019. Do đó đề nghị Quý Bộ lưu ý, phân định rõ hơn phạm vi tương trợ tư pháp (về dân sự) trong quá trình xây dựng Luật.

(ii) *Vấn đề hợp pháp hóa lãnh sự giấy tờ trong hồ sơ ủy thác tư pháp:*

Luật Trưng trợ tư pháp (Điều 7) quy định hồ sơ ủy thác tư pháp cần được hợp pháp hóa lãnh sự. Quy định trên chưa phù hợp với thực tiễn trưng trợ tư pháp với các nước, theo đó các nước không yêu cầu hợp pháp hóa lãnh sự đối với các giấy tờ, tài liệu, hồ sơ ủy thác tư pháp của Việt Nam được chuyển qua đường ngoại giao cho phía nước ngoài. Thực tiễn trên cũng phù hợp với quy định tại Nghị định 111/NĐ-CP ngày 05/12/2011 về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự về việc giấy tờ, tài liệu được chuyển giao giữa cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam và cơ quan có thẩm quyền nước ngoài qua đường ngoại giao được miễn hợp pháp hóa. Trên cơ sở này, đề nghị Quý Bộ xem xét đưa nội dung mang tính nguyên tắc này vào dự thảo Luật.

(iii) *Về chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài:*

Hiện nay Tòa án nhân dân tối cao đang chủ trì xây dựng Pháp lệnh về chi phí tố tụng, và theo dự thảo Pháp lệnh gần nhất bao gồm cả chi phí ủy thác tư pháp. Theo kế hoạch, Tòa án nhân dân tối cao dự kiến trình Ủy ban thường vụ quốc hội ban hành Pháp lệnh vào cuối năm 2023. Do vậy, đề nghị Quý Bộ cân nhắc trao đổi thống nhất với Tòa án nhân dân tối cao về việc quy định chi phí ủy thác tư pháp tại dự thảo Luật này hay tại dự thảo Pháp lệnh, tránh trùng lặp và chồng chéo về mặt nội dung, thẩm quyền.

(iv) *Về việc ứng dụng khoa học công nghệ*

Tại báo cáo Tổng kết thi hành Luật Trưng trợ tư pháp, Quý Bộ có nêu nhận định về việc “ứng dụng khoa học công nghệ còn hạn chế, chưa ứng dụng được khoa học kỹ thuật triệt để trong việc thực hiện và quản lý công tác trưng trợ tư pháp về dân sự, cắt giảm hồ sơ”. Bộ Ngoại giao nhất trí cần nghiên cứu thêm để bổ sung các quy định để thúc đẩy việc ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong việc tiếp nhận và xử lý hồ sơ ủy thác tư pháp của Việt Nam ra nước ngoài và ngược lại (ví dụ như số hóa hồ sơ, chuyển qua kênh điện tử) nhằm tiết kiệm thời gian¹, chi phí². Đồng thời, hướng tới xây dựng, sử dụng hệ thống dữ liệu, hồ sơ ủy thác tư pháp về dân sự và chuyển nhận thông tin giữa các cơ quan chức năng của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Tòa án nhân dân tối cao, các Tòa án địa phương và CQĐD Việt Nam ở nước ngoài để hình thành cơ chế theo dõi, phối hợp nhịp nhàng hơn trong việc chuyển yêu cầu và kết quả thực hiện ủy thác tư pháp, tăng hiệu quả của công tác này.

¹ Hiện việc chuyển hồ sơ ủy thác tư pháp qua đường bưu điện nội địa và quốc tế còn mất nhiều thời gian (có thể lên đến vài tháng hoặc lâu hơn), chưa bảo đảm yêu cầu thời gian của vụ án dân sự; có trường hợp không thể thực hiện được do bưu điện không cung cấp dịch vụ đối với các nước liên quan (Iran, Pakistan hoặc gần đây là Nga).

² Chi phí chuyển phát hồ sơ ủy thác tư pháp khá tốn kém, ví dụ mỗi bộ hồ sơ ủy thác tư pháp ra nước ngoài trung bình hết khoảng 400.000vnd/bộ, chuyển phát nhanh bảo đảm từ 1.000.000 – 2.000.000 VNĐ/bộ.

2.3. Đề hồ sơ hoàn thiện hơn, tại các dự thảo Tờ trình và báo cáo Tổng kết thi hành, đề nghị Quý Bộ cân nhắc nêu những khó khăn, vướng mắc của việc triển khai Luật Tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự; các nội dung về khó khăn của các nội dung về hình sự, dẫn độ, chuyển giao nên đưa vào từng luật cụ thể và báo cáo Tổng kết thi hành Luật Tương trợ tư pháp nói chung để kiến nghị tách Luật.

Bộ Ngoại giao xin trao đổi đề Quý Bộ tổng hợp./

Nơi nhận:

- Như trên; ✓
- LPQT;
- Lưu: HC, LS.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



★ Hà Kim Ngọc

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN
TỐI CAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2851/VKSTC-V13
V/v góp ý dự thảo hồ sơ lập
đề nghị xây dựng Luật
tương trợ tư pháp về dân sự

Hà Nội, ngày 18 tháng 7 năm 2023

Kính gửi: Bộ Tư pháp (Vụ Pháp luật quốc tế)

Trả lời Công văn số 2505/BTP-PLQT ngày 19/6/2023 của Bộ Tư pháp đề nghị tham gia ý kiến đối với dự thảo hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật tương trợ tư pháp về dân sự, Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia một số ý kiến như sau:

1. Dự thảo Tờ trình Chính phủ

- Về bối cảnh và sự cần thiết xây dựng Luật (Mục I): Đề nghị phân tích, chỉ rõ các cơ sở để xây dựng Luật bao gồm: (1) Cơ sở chính trị (gồm: các văn kiện, Nghị quyết, Chỉ thị, Chỉ đạo của Đảng), (2) Cơ sở pháp lý (các quy định của Hiến pháp và pháp luật) và (3) Cơ sở thực tiễn để làm rõ sự cần thiết phải xây dựng Luật tương trợ tư pháp về dân sự để bảo đảm đầy đủ, rõ ràng.

- Về quan điểm chỉ đạo xây dựng dự án Luật (tiểu mục 2, Mục II): Đề nghị bổ sung quan điểm chỉ đạo xây dựng dự án Luật nhằm tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước về tương trợ tư pháp về dân sự để đúng với mục tiêu xây dựng Luật.

- Về dự kiến nguồn lực (tiểu mục 1, Mục V): Cần thể hiện rõ nguồn nhân lực cũng như nguồn lực về tài chính để bảo đảm đầy đủ và phù hợp với Điều 34 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Rà soát và chỉnh sửa các lỗi chính tả và đánh số thứ tự trong dự thảo; ví dụ: Mục IV không có tiểu mục 1, nhưng có mục 2 và 3.

2. Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chính sách xây dựng Luật tương trợ tư pháp về dân sự

Đề nghị cân nhắc chỉnh sửa một số nội dung tại Mục I.1 như sau:

- "Từ phương diện quản lý hoạt động TTTP, việc Luật TTTP hiện hành điều chỉnh cả bốn lĩnh vực khác nhau do các cơ quan khác nhau độc lập thực hiện nhưng lại giao cho Bộ Tư pháp làm đầu mối giúp Chính phủ quản lý nhà



Chuong TP
24/7
23

lc đd
24.7

nước chung cũng làm cho công tác quản lý nhà nước, phối hợp liên ngành trong triển khai thi hành Luật gặp những bất cập, hạn chế”. Luật TTTP không quy định rõ “quản lý Nhà nước” bao gồm những nội dung gì. Trong khi VKSND tối cao và Bộ Công an đều đã làm tốt nhiệm vụ cơ quan đầu mối. Do đó, không có cơ sở để đánh giá công tác “phối hợp liên ngành trong triển khai thi hành Luật gặp những bất cập, hạn chế”.

- “Việc quy định Bộ Tư pháp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước chung trong cả bốn lĩnh vực cũng làm cho các cơ quan đầu mối trong từng lĩnh vực TTTP khác là hình sự, dân độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù khó phát huy hết vai trò, trách nhiệm và sự chủ động của mình trong hoạt động quản lý, chỉ đạo công tác TTTP ở lĩnh vực riêng do mình phụ trách”. Thực tế VKSND tối cao và Bộ Công an đã chủ động phát huy vai trò và trách nhiệm của cơ quan đầu mối.

- “Thứ ba, Luật TTTP chưa phân định rõ phạm vi TTTP, dẫn đến cách hiểu và cách áp dụng chưa thống nhất giữa các cơ quan nhà nước có thẩm quyền như đối với hoạt động ủy thác tư pháp (UTTP) liên quan đến công dân Việt Nam ở nước ngoài hoặc yêu cầu cơ quan đại diện ngoại giao tại nước ngoài xác minh, cung cấp tài liệu và chứng cứ phục vụ điều tra có thuộc phạm vi TTTP hay không còn có cách hiểu, áp dụng khác nhau”. Nội dung này chưa rõ ý, ví dụ về phạm vi tương trợ thì Luật TTTP đã phân định phạm vi của các lĩnh vực khác nhau.

3. Dự thảo Báo cáo tổng kết thi hành phần tương trợ tư pháp về dân sự của Luật tương trợ tư pháp

- Mục II.2.d (trang 12): “Bên cạnh đó, trong tất cả các điều ước quốc tế về TTTP, Bộ Tư pháp chỉ phải gửi đến nước được yêu cầu 02 bộ hồ sơ, do đó việc các cơ quan có thẩm quyền lập và gửi hồ sơ ủy thác tư pháp bằng bản mềm đến Bộ Tư pháp thì không còn cần thiết phải gửi 03 bộ hồ sơ như hiện nay”. Đề nghị cân nhắc bỏ nội dung này vì đây không phải là hạn chế, vướng mắc.

- Mục II (trang 16): Sửa thứ tự thành Mục III (Mục II là Đánh giá).

4. Đề cương dự thảo Luật tương trợ tư pháp về dân sự

- Chương I:

+ Cân nhắc việc sử dụng chữ viết tắt trong văn bản quy phạm pháp luật.

+ Nêu rõ sự khác nhau giữa “tương trợ tư pháp” và “ủy thác tư pháp”;
Cân nhắc việc sử dụng cụm từ “tương trợ tư pháp” thay cho “ủy thác tư pháp”
thống nhất trong toàn bộ dự thảo.

+ Đề nghị gộp 02 điều “Áp dụng pháp luật” và “Áp dụng pháp luật nước
ngoài trong tương trợ tư pháp về dân sự” vào làm một vì các nội dung đều về
cách thức, nguyên tắc áp dụng pháp luật để bảo đảm ngắn gọn và phù hợp.

- Chương II: Cân nhắc bổ sung quy định về trường hợp không nhận được
kết quả thực hiện tương trợ từ nước ngoài.

- Chương IV. Điều về Chi phí thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự: Bổ
sung quy định các loại chi phí này sẽ do Bên nào chi trả.

Trên đây là ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tối cao đối với dự thảo hồ
sơ lập đề nghị xây dựng Luật tương trợ tư pháp về dân sự; Trân trọng trao đổi để
Bộ Tư pháp tổng hợp, báo cáo theo thẩm quyền. / *Thư*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Viện trưởng (để b/c);
- Vụ 14 - VKSNDTC (để biết);
- Lưu: VT, Vụ 13.



BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3213 /BNV-PC

V/v tham gia ý kiến dự thảo
hồ sơ đề nghị xây dựng Luật
Tương trợ tư pháp về dân sự

Hà Nội, ngày 26 tháng 06 năm 2023

BỘ	1.2.2
Gần đây	27/6
Số	7384

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Trả lời Công văn số 2505/BTP-PLQT ngày 19/6/2023 của Bộ Tư pháp về việc tham gia ý kiến đối với dự thảo hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Tương trợ tư pháp về dân sự, Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:

Về cơ bản, Bộ Nội vụ thống nhất sự cần thiết xây dựng Luật Tương trợ tư pháp về dân sự. Tuy nhiên, các nội dung được đề cập tại Chính sách 1, Chính sách 2 thực chất là sự cần thiết, mục tiêu xây dựng các đạo luật nói chung, không chỉ riêng đối với lĩnh vực tương trợ tư pháp về dân sự. Trong đó, việc nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và phối hợp liên ngành trong việc thực hiện hoạt động tương trợ tư pháp về dân sự (Chính sách 2) chính là mục tiêu, kết quả của việc hoàn thiện pháp luật tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự (Chính sách 1).

Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, đề xuất các chính sách bám sát yêu cầu thực tiễn và những nội dung lớn như: hồ sơ, thủ tục, thẩm quyền, chi phí... có tác động trực tiếp đến hoạt động tương trợ tư pháp về dân sự; đồng thời, bảo đảm nội dung đánh giá tác động theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Trên đây là ý kiến tham gia của Bộ Nội vụ, đề nghị Bộ Tư pháp tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ theo quy định./.

Nơi nhận:

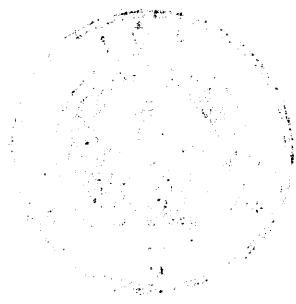
- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- TT Nguyễn Duy Thăng (để báo cáo);
- Lưu: VT, PC.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ PHÁP CHẾ



Nguyễn Văn Thủy

ctương
TP
27/6
6
on



Số: 2679 /BCA-V03

Hà Nội, ngày 02 tháng 8 năm 2023

V/v tham gia ý kiến đối với dự thảo hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Tương trợ tư pháp về dân sự

Kính gửi: Bộ Tư pháp

BỘ TƯ PHÁP
Số: 0318
Số: 9370

Trả lời Công văn số 2505/BTP-PLQT ngày 19/6/2023 của Bộ Tư pháp về việc tham gia ý kiến đối với dự thảo hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Tương trợ tư pháp về dân sự, Bộ Công an có ý kiến như sau:

*c. Phương TP
4/23
8
AM*

1. Bộ Công an nhất trí với sự cần thiết ban hành Luật Tương trợ tư pháp về dân sự nhằm thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước, cũng như đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế sâu rộng và đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ giữa pháp luật tương trợ tư pháp về dân sự với các văn bản quy phạm pháp luật khác trong hệ thống pháp luật.

2. Đối với dự thảo Tờ trình Chính phủ

- Tại đoạn thứ hai phần I, đề nghị bổ sung nội dung sau: “Luật TTTP thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự đã bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập trên cả bình diện lý luận lẫn trong thực tiễn áp dụng pháp luật, những khoảng trống cần được hoàn thiện”.

- Tại đoạn Thứ nhất, phần I,

+ Đề nghị sửa đổi, bổ sung theo hướng sau: “Luật TTTP điều chỉnh bốn lĩnh vực ~~dân sự, hình sự, dân độ, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù~~ nhưng mỗi lĩnh vực lại có đối tượng, phạm vi điều chỉnh với tính chất đặc thù ~~riêng~~ khác nhau, có phạm vi điều chỉnh, đối tượng điều chỉnh, mục đích và tính chất, bản chất khác nhau gồm TTTP về dân sự, TTTP về hình sự, dân độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù nên các quy định của Luật khó đảm bảo việc áp dụng thống nhất”.

+ Đoạn thứ hai đề nghị bổ sung “Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021)” thành “... Theo quy định của Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), Luật Điều ước quốc tế năm 2016 thì từng bộ, ngành chủ trì có trách nhiệm tổ chức thực hiện...”.

- Tại mục 2. II, đề nghị bổ sung quan điểm chỉ đạo của Đảng như: Nghị quyết của Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt

Nam khóa VII: “*Phải tiếp tục củng cố và tăng cường hoạt động tương trợ tư pháp giữa Việt Nam với các nước trong thời kỳ mới, phải mở rộng quan hệ quốc tế về tương trợ tư pháp...*”; Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII: “*Hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm phát huy mạnh mẽ dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của Nhân dân*”.

3. Đối với dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chính sách xây dựng Luật Tương trợ tư pháp về dân sự

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 35 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP), việc đánh giá tác động chính sách Luật Tương trợ tư pháp về dân sự đưa ra 03 chính sách và các nội dung đánh giá tác động cơ bản thể hiện đầy đủ nội dung theo yêu cầu. Đồng thời, tại dự thảo Báo cáo đánh giá tác động, cơ quan lập đề nghị đã bước đầu nêu được vấn đề cần giải quyết, mục tiêu giải quyết vấn đề, các giải pháp để giải quyết vấn đề, tác động của các giải pháp, lựa chọn giải pháp và lý do của việc lựa chọn. Đối với mỗi giải pháp được lựa chọn tại các chính sách, đã bước đầu đánh giá tác động theo các nội dung được nêu tại Điều 6 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

Đối với 03 chính sách, Bộ Công an nhất trí với lựa chọn Giải pháp 2. Tuy nhiên, để hoàn thiện hơn nữa nội dung Báo cáo đánh giá tác động chính sách, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo, sửa đổi, bổ sung một số nội dung (*phụ lục kèm theo*).

4. Nhất trí với nội dung dự thảo Báo cáo tổng kết thi hành phần tương trợ tư pháp về dân sự của Luật Tương trợ tư pháp.

5. Đối với dự thảo Đề cương dự thảo Luật Tương trợ tư pháp về dân sự: Đề nghị bổ sung nội dung quy định về chuyển tiếp đối với các yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự trước ngày Luật Tương trợ tư pháp về dân sự có hiệu lực.

Trên đây là ý kiến của Bộ Công an, xin trao đổi để các đồng chí tập hợp./. *h*

Nơi nhận:

- Như trên;
- TK1 (để báo cáo đ/c Bộ trưởng);
- Lưu: VT, V03(P5).



Trung tướng Lê Quốc Hùng

Phụ lục

Tham gia ý kiến đối với dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chính sách xây dựng Luật Trưng trợ tư pháp về dân sự

(Kèm theo Công văn số: 2679/BCA-V03 ngày 02 tháng 8 năm 2023)

1. Đối với Chính sách 1

- Đề nghị thống nhất tên của Chính sách 1: “*Hoàn thiện pháp luật về trưng trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự đáp ứng tình hình mới của Việt Nam và quốc tế*” hay “*Tạo cơ sở pháp lý thúc đẩy hợp tác quốc tế về trưng trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự phù hợp với bối cảnh, tình hình mới của Việt Nam và quốc tế*”.

+ Để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật, đề nghị đánh giá, chỉ rõ những nội dung, quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan trưng trợ tư pháp về dân sự như Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Luật Tố tụng hành chính năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019).

2. Đối với Chính sách 2

Đề nghị làm rõ hơn vấn đề xã hội hóa hoạt động tổng đạt giấy tờ, vì: Để thực hiện chủ trương xã hội hóa hoạt động tổng đạt giấy tờ nói chung theo Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, nhiều tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hồ sơ kể cả hồ sơ theo yêu cầu của nước ngoài thông qua thừa phát lại. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thừa phát lại thì thừa phát lại có thẩm quyền tổng đạt giấy y tờ, hồ sơ, tài liệu có liên quan đến trưng trợ tư pháp về dân sự của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài. Bên cạnh đó, các tổ chức, cá nhân ngoài nhà nước được thực hiện chức năng tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 172 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 101 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019), không chỉ bao gồm thừa phát lại mà còn bao gồm nhân viên, tổ chức dịch vụ bưu chính, người có chức năng tổng đạt và những người khác mà pháp luật có quy định. Việc xã hội hóa hoạt động tổng đạt giấy tờ sẽ góp phần rút ngắn thời gian thực hiện ủy thác, đẩy nhanh thời gian giải quyết các tranh chấp dân sự và thương mại có liên quan đến người dân và doanh nghiệp, tạo lòng tin của các đối tác nước ngoài.

3. Đối với Chính sách 3

Đề nghị tại điểm đ tiêu mục 3.3.2 (Giải pháp 2) bổ sung nội dung về đánh giá tác động đối với các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến chi phí trưng trợ tư pháp về dân sự như Luật Tố tụng hành chính năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019), Nghị định số 92/2008/NĐ-CP quy định về quản lý và

sử dụng chi phí thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự, Thông tư số 144/2012/TT-BTC ngày 04/9/2012 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác tương trợ tư pháp./.

Số: 160/TANDTC-PC

Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2022

V/v góp ý kiến đối với
dự thảo hồ sơ đề nghị xây dựng
Luật Trưng trợ tư pháp về dân sự

BỘ TƯ PHÁP	
Đến ngày: 19/8	
Số: 10.165	

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Sau khi nghiên cứu hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Trưng trợ tư pháp về dân sự kèm theo Công văn số 2505/BTP-PLQT ngày 19/6/2023 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao có ý kiến như sau:

g.c. Hương
+ TPAT
21.8

Về cơ bản, Tòa án nhân dân tối cao nhất trí với sự cần thiết ban hành Luật, phạm vi điều chỉnh và ba chính sách lớn của dự án Luật. Ngoài ra, Tòa án nhân dân tối cao đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc bổ sung các nội dung sau:

1. Về trưng trợ tư pháp liên quan đến việc giải quyết vụ án hành chính

Luật Trưng trợ tư pháp năm 2007 và Luật Tố tụng hành chính năm 2010 không đề cập đến trưng trợ tư pháp trong quá trình giải quyết vụ án hành chính. Tuy nhiên, Luật Tố tụng hành chính năm 2015 quy định về việc ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo pháp luật về trưng trợ tư pháp tại các điều 303, 305, 352, 353, 354, 355 và 370. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu bổ sung về trưng trợ tư pháp trong quá trình giải quyết vụ án hành chính vào dự án Luật.

2. Về chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài


Hiện nay, Tòa án nhân dân tối cao đang chủ trì xây dựng dự thảo Pháp lệnh Chi phí tố tụng, trong đó có chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính và Bộ luật Tố tụng hình sự. Chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài là một loại chi phí trong trưng trợ tư pháp được quy định thành Chương riêng tại Đề cương Luật Trưng trợ tư pháp về dân sự. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo dự án Luật này phối hợp chặt chẽ với Tòa án nhân dân tối cao trong việc xác định phạm vi điều chỉnh về chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài giữa Pháp lệnh Chi phí tố tụng và Luật trưng trợ tư pháp để đảm bảo tính thống nhất và hiệu quả.

Trên đây là ý kiến của Tòa án nhân dân tối cao để Bộ Tư pháp nghiên cứu, tham khảo trong quá trình hoàn thiện dự án Luật Trưng trợ tư pháp về dân sự.

Nơi nhận:

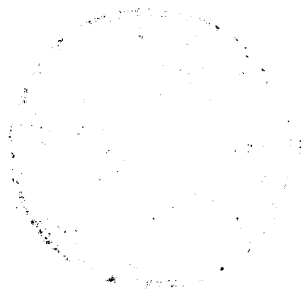
- Như kính gửi;
- Chánh án TANDTC (để b/c);
- Lưu: VT, Vụ PC&QLKH-P2.

KT. CHÁNH ÁN
PHÓ CHÁNH ÁN



Nguyễn Văn Tiến

9AHS UT 02





BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 7156 /BTC-PC

Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2023

V/v góp ý dự thảo hồ sơ lập đề
nghị xây dựng Luật Tương trợ tư
pháp về dân sự

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Bộ Tài chính nhận được công văn số 2505/BTP-PLQT ngày 19/6/2023 của Bộ Tư pháp về đề nghị góp ý hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Tương trợ tư pháp (TTTP) về dân sự. Về vấn đề này, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

1. Các ý kiến tham gia chung

- Về hồ sơ đề nghị xây dựng Luật TTTP về dân sự, đề nghị thực hiện theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Ngày 18/4/2023, Bộ Tài chính đã có công văn số 3846/BTC-PC gửi Bộ Tư pháp về việc góp ý Báo cáo rà soát Luật TTTP. Trong đó, Bộ Tài chính đã có ý kiến với Bộ Tư pháp về: đề xuất tách Luật TTTP; xã hội hóa trong việc thực hiện TTTP; chi phí TTTP và kinh phí cho hoạt động TTTP. Do vậy, đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu các ý kiến của Bộ Tài chính tại công văn số 3846/BTC-PC ngày 18/4/2023 nêu trên. Đồng thời, đề nghị Bộ Tư pháp sớm hoàn thiện Báo cáo tổng kết thi hành Luật TTTP cùng các tài liệu khác có liên quan để có cơ sở lập đề nghị xây dựng Luật TTTP về dân sự theo đúng quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Các ý kiến tham gia cụ thể về hồ sơ đề nghị xây dựng Luật TTTP về dân sự

2.1. Về dự thảo Tờ trình Chính phủ đề nghị xây dựng Luật TTTP về dân sự

- Tại Mục IV dự thảo Tờ trình Chính phủ, Bộ Tư pháp có đề xuất 03 chính sách. Tuy nhiên, nội dung về lựa chọn giải pháp thực hiện chính sách có một số nội dung chưa thống nhất.

Ví dụ: Giải pháp lựa chọn của chính sách 1 tại Mục IV.1.3 dự thảo Tờ trình Chính phủ là: “*Kế thừa quy định về nội dung TTTP về dân sự tại Luật TTTP hiện hành;...; bổ sung quy định cho phép thoả thuận chi phí TTTP trong trường hợp ký*

kết điều ước quốc tế". Tuy nhiên, kiến nghị giải pháp lựa chọn cho chính sách này tại Mục II.1.4 dự thảo Báo cáo Đánh giá tác động lại nêu: "...*một mặt kế thừa các quy định còn phù hợp, mặt khác sửa đổi quy định hiện nay...*" và cũng không có nội dung về bổ sung quy định cho phép thỏa thuận chi phí TTTP trong trường hợp ký kết điều ước quốc tế.

Do đó, đề nghị Bộ Tư pháp rà soát, bảo đảm thống nhất về nội dung lựa chọn giải pháp thực hiện chính sách giữa Tờ trình Chính phủ và Báo cáo Đánh giá tác động chính sách.

- Tại khổ thứ 2 trang 9 Mục IV.1.3 dự thảo Tờ trình Chính phủ, Bộ Tư pháp nêu: "*nguyên tắc hợp tác quốc tế trong TTTP về dân sự khi các bên có quan hệ điều ước quốc tế là không thu chi phí đối với việc thực hiện yêu cầu TTTP.... Nguyên tắc này được ghi nhận trong tất cả các điều ước quốc tế về TTTP dân sự mà Việt Nam ký kết, gia nhập. Tuy nhiên, theo quy định của Luật TTTP thì chi phí TTTP về dân sự giữa Việt Nam và nước ngoài do nước yêu cầu chi trả trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Mặc dù Nghị định 92/2008/NĐ-CP đã có hướng dẫn về thuật ngữ "thỏa thuận khác" nhưng khi ký kết các điều ước quốc tế mới về TTTP dân sự quy định về không thu chi phí thực hiện yêu cầu TTTP vẫn gặp nhiều vướng mắc do cách hiểu giữa các cơ quan liên quan về quy định này khác nhau, ảnh hưởng đến công tác ký kết điều ước quốc tế đã được cấp có thẩm quyền cho phép thực hiện*".

Qua nhiều lần tham gia ý kiến về việc ký các Điều ước quốc tế về TTTP, Bộ Tài chính thấy rằng nội dung trên là một tồn tại, vướng mắc trong quy định của Luật TTTP hiện hành. Khác biệt về quy định chi phí TTTP trong Luật TTTP hiện hành và các Hiệp định TTTP đã ký cũng đã được Bộ Tài chính có ý kiến với Bộ Tư pháp tại công văn số 3846/BTC-PC ngày 18/4/2023. Do đó, đề nghị Bộ Tư pháp bổ sung nội dung trên vào Mục II.2.c (Một số khó khăn, tồn tại, hạn chế và vướng mắc trong việc thực hiện Luật TTTP trong lĩnh vực dân sự) tại dự thảo Báo cáo Tổng kết thi hành Luật TTTP phần về dân sự và đề xuất phương án xử lý phù hợp.

2.2. Về dự thảo Báo cáo Tổng kết thi hành Luật TTTP về dân sự

- Tại trang 12 Mục II.3.3.2 dự thảo Báo cáo Tổng kết thi hành Luật TTTP về dân sự về những nguyên nhân chủ yếu của những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong thực hiện Luật TTTP, Bộ Tư pháp nêu: "*Việc bố trí cán bộ, kinh phí và các điều kiện cần thiết cho hoạt động TTTP trong những năm gần đây không thay đổi trong khi khối lượng công việc tăng, nội dung công việc ngày càng phức tạp*".

Ngày 4/9/2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 144/2012/TT-BTC quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác TTTP. Theo đó, hàng năm, căn cứ vào yêu cầu công tác TTTP và căn cứ vào nội dung chi, mức chi quy định tại Điều 3, Điều 4 của Thông tư này, các cơ quan lập dự toán kinh phí bảo đảm cho công tác TTTP tổng hợp chung vào dự toán ngân sách hàng năm gửi cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật. Do vậy, việc bố trí kinh phí cần thiết cho hoạt động TTTP được NSNN bảo đảm và được lập dự toán hàng năm theo yêu cầu công tác.

Việc thực hiện Luật TTTP được các Bộ, cơ quan trung ương triển khai tổng thể các hoạt động (tổng đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu liên quan đến TTTP, triệu tập người làm chứng, người giám định, trao đổi thông tin...). Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ trên được NSNN bố trí trong định mức chi thường xuyên (cơ quan tư pháp được phân bổ 72 triệu đồng/biên chế, cao hơn 17 triệu đồng/biên chế đối với cơ quan từ biên chế thứ 1.001 trở lên, theo quy định tại Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ) hoặc kinh phí đặc thù của các Bộ, cơ quan trung ương (ví dụ như kinh phí thực hiện nhiệm vụ được giao theo Luật TTTP của Bộ Tư pháp năm 2021 là 1.340 triệu đồng, năm 2022 là 2.000 triệu đồng, năm 2023 là 3.100 triệu đồng). Kinh phí ngân sách nhà nước bố trí về cơ bản đã bảo đảm việc thực hiện Luật TTTP của các Bộ, cơ quan trung ương.

Do vậy, đề nghị Bộ Tư pháp bỏ nội dung hạn chế, vướng mắc về bố trí kinh phí cho hoạt động TTTP.

2.3. Về Đề cương dự thảo Luật TTTP về dân sự

- Tại dự thảo Điều đầu tiên Chương IV Đề cương dự thảo Luật TTTP về dân sự về chi phí thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự đang quy định: “Chi phí thực hiện ủy thác tư pháp của Việt Nam bao gồm phí, lệ phí và chi phí thực tế phát sinh khi thực hiện ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc gia liên quan.”

Tại hồ sơ gửi lấy ý kiến (dự thảo Tờ trình Chính phủ, dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chính sách xây dựng Luật TTTP về dân sự, dự thảo Báo cáo tổng kết thi hành phần TTTP về dân sự của Luật TTTP, đề cương dự thảo Luật TTTP về dân sự), Bộ Tư pháp không thuyết minh chi phí thực hiện ủy thác tư pháp của Việt Nam hiện nay bao gồm những chi phí gì.

Do đó, đề nghị Bộ Tư pháp cân nhắc bổ sung chi phí thực hiện ủy thác tư pháp của Việt Nam bao gồm những chi phí gì; Trong đó thể hiện rõ chi phí thực hiện ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam bao gồm những chi phí gì và chi phí thực hiện ủy thác tư pháp theo quy định của nước ngoài bao gồm những chi phí gì.

3. Về dự kiến nguồn lực, điều kiện đảm bảo thi hành Luật TTTP về dân sự

Tại Điểm 2 Mục V dự thảo Tờ trình Chính phủ của Bộ Tư pháp về điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Luật: "*nguồn lực dự kiến cho việc thực hiện Luật TTTP về dân sự sẽ không phát sinh lớn*". Đề nghị Bộ Tư pháp bổ sung đánh giá tác động cụ thể về kinh phí ngân sách nhà nước tăng thêm (bao gồm ngân sách trung ương và ngân sách địa phương) theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Đồng thời, theo dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Luật TTTP về dân sự, khi lựa chọn giải pháp 2 của từng chính sách (Hoàn thiện pháp luật về TTTP trong lĩnh vực dân sự đáp ứng tình hình mới của Việt Nam và quốc tế; Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và phối hợp liên ngành trong việc thực hiện hoạt động TTTP về dân sự; Hoàn thiện quy trình, thủ tục, hồ sơ, thời gian thực hiện để nâng cao hiệu quả hoạt động TTTP về dân sự) thì dự kiến sẽ tiết kiệm chi phí cho nhà nước, cho các doanh nghiệp và cho người dân khoảng 550 triệu đồng/năm (trong đó phần NSNN dự kiến bố trí tăng chi khoảng 400 triệu đồng/năm). Đề nghị Bộ Tư pháp rà soát lại dự kiến nguồn lực, điều kiện đảm bảo thi hành Luật để đảm bảo chính xác về số liệu.

Trên đây là ý kiến Bộ Tài chính, đề nghị Bộ Tư pháp tổng hợp, xử lý theo quy định. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Vụ: HCSN, NSNN, HTQT, CST;
- Lưu: VT, Vụ PC (08b). /



